TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST Ngày 26 tháng 8 năm 2019 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: phường T, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K, Đăk Lăk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk

+ Ông Huỳnh L, sinh năm 1948, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/12/2005 tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, anh T1 thường xuyên uống rượu, không quan T1 đến gia đình, khi say rượu thì chửi bới xúc phạm, đánh đập chị T, đuổi chị T ra khỏi nhà. Sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị T cảm thấy không còn tình cảm với anh T1 nên xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Phương T2, sinh ngày 02/3/2015.

Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, để chị và anh T1 tự thỏa thuận giải quyết, chỉ yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung.

Về nợ chung: Chị T và anh T1 có nợ:

- Nợ Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K, Đăk Lăk số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi đến nay chưa trả.

- Nợ bà Bùi Thị H số tiền gốc 10.000.000đ.

- Nợ ông Huỳnh L số tiền gốc 25.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh T1 kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/12/2005 tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T ra ngoài giao du với nhiều người nên hàng xóm có lời ong tiếng ve, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đến đầu tháng 4/2019 khi anh T1 đi uống rượu về vợ chồng lại xảy ra cãi vã, trong lúc nóng giận anh T1 có tát chị T vài cái nên chị T mang theo con trai lớn bỏ đi cho đến nay. Hiện nay, chị T có đơn xin ly hôn tại Tòa án, anh T1 xét thấy anh không còn tình cảm gì với chị T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Phương T2, sinh ngày 02/3/2015.

Khi ly hôn anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương T2, đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T1 và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 và chị T có nợ:

- Nợ Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K, Đăk Lăk số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi đến nay chưa trả.

- Nợ bà Bùi Thị H số tiền gốc 10.000.000đ.

- Nợ ông Huỳnh L số tiền gốc 25.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N Việt Nam người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Công T trình bày: Ngày 14/11/2018 ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T vay của Ngân hàng N số tiền 120.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, theo hợp đồng tín dụng số 5204-LAV-201701803409, lãi suất tại thời điểm vay 11,5%/năm. Khi vay có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 226190 do UBND huyện K cấp ngày 06/7/2012 mang tên ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 151372 do UBND huyện K cấp ngày 28/6/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Ý kiến của Ngân hàng là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H trình bày: Ngày 01/4/2019 anh T1, chị T vay của bà H số tiền 10.000.000đ, khi vay không làm giấy vay tiền, không tính lãi suất, hẹn đến mùa dưa (tháng 02/2019) sẽ trả nợ. Tuy nhiên đến nay anh T1, chị T vẫn chưa trả nợ. Nay chị T và anh T1 đang giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, nguyện vọng của bà H là để tự các bên thỏa thuận việc trả nợ, bà H không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh L trình bày:

Vào khoảng tháng 10/2018 ông L cho anh T1, chị T vay số tiền 25.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999. Khi vay có làm giấy tờ viết tay, vợ chồng anh T1, chị T ký nhận nợ. Anh T1 chị T đã trả lãi đủ đến tháng 3/2019. Nay anh T1, chị T giải quyết ly hôn tại Tòa án, nguyện vọng của ông L là để các bên tự thỏa thuận về việc trả nợ, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với anh T1.

+ Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Văn H1, giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Phương T2.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu này.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1, xin nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*". Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 hiện đang trú tại: thôn H, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/12/2005, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai người không hòa hợp trong cuộc sống, anh T1 thường xuyên uống rượu, chửi bới xúc phạm, đánh đập chị T, từ đầu tháng 4/2019 đến nay hai người đã sống ly thân. Chị T yêu cầu xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh T1, chị T tại địa phương thể hiện giữa chị T và anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra xỗ xát, do tính tình hai người không hợp nhau, đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay.

Xét thấy, giữa chị T và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mức độ trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/10/2006 và Nguyễn Phương T2, sinh ngày 02/3/2015, hiện cháu H1 đang ở với chị T, cháu T2 đang ở với anh T1, cháu H1 có nguyện vọng được ở với chị T. Quá trình tố tụng tại Tòa án chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H1, giao cho anh T1 nuôi dưỡng cháu T2, anh T1 đồng ý với yêu cầu của chị T. Để bảo đảm quyền và lợi ích của con chưa thành niên, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Văn H1, giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Phương T2 là phù hợp.

Chị T và anh T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của chị T là tự nguyện, cần chấp nhận. Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối phần yêu cầu chia tài sản chung. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trả lại cho đương sự các tài liệu chứng cứ đã nộp.

- Về nợ: Hiện chị T và anh T1 còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, Đắk Lắk số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi đến nay chưa trả, nợ bà Bùi Thị H số tiền 10.000.000đ, nợ ông Huỳnh L số tiền gốc 25.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999 cần ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Việt Nam, bà Bùi Thị H và ông Huỳnh L không có yêu cầu độc lập, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản số tiền 2.400.000đ. Căn cứ vào khoản 4 Điều 157, khoản 4 Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 2.400.000đ được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 157, khoản 4 Điều 165 và các điều 166; điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/10/2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Phương T2, sinh ngày 02/3/2015 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T.

Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật. Trả cho đương sự các tài liệu chứng cứ đã nộp.

4. Về nợ: Ghi nhận hiện chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 còn nợ Ngân hàng N thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K, Đăk Lăk số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi đến nay chưa trả, nợ bà Bùi Thị H số tiền 10.000.000đ, nợ ông Huỳnh L số tiền gốc 25.000.000đ và 01 chỉ vàng 9999.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Việt Nam, bà Bùi Thị H và ông Huỳnh L có quyền khởi kiện đòi nợ bằng vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009374 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000^{đ}.

6/ Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.400.000^{đ}, được trừ số tiền chị T đã nộp tại phiếu thu ngày 31/5/2019 và phiếu chi ngày 30/7/2019.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ea, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đình Tuyên